

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 3

Địa 2 : ĐỊA Ý 3

Lại nữa, như trước đã nói về năm sự, từ tự tánh cho đến tạo nghiệp, đều do ba xứ thân tâm. Đó là do sắc tụ, tâm, tâm sở phẩm và vô vi. Ngoài ra, phần còn lại là pháp giả hữu. Nay, trước hết sẽ nói về các pháp thuộc sắc tụ.

- Hỏi: Tất cả pháp sanh đều từ chủng tử của tự thể dậy khởi, vì sao nói các đại chủng có thể sanh các sắc được tạo? Vì sao sắc được tạo lại dựa vào đại chủng? Đại chủng là chỗ kiến lập, là chốn nhận giữ, là nơi nuôi lớn?

- Đáp: Do tất cả đại chủng trong ngoài và chủng tử của sắc được tạo thấy đều nương dựa vào tâm bên trong tương tục, cho đến chủng tử của các đại chủng chưa sanh đến nay, thì chủng tử của sắc được tạo hoàn toàn không thể sanh sắc được tạo. Chính là do đại chủng kia sanh thì sắc được tạo mới từ nơi chủng tử của tự thể sanh khởi. Do đó, nói đại chủng có thể sanh sắc được tạo là do đại chủng sanh làm nhân dẫn dắt trước. Theo đạo lý ấy nên nói các đại chủng là nhân sanh ra sắc được tạo.

- Vì sao sắc được tạo lại nương nơi đại chủng?

- Là do sắc được tạo sanh rồi thì không lìa xứ của đại chủng mà chuyển.

- Vì sao đại chủng là chỗ kiến lập?

- Là do đại chủng khi tăng giảm thì sắc được tạo cùng có sự an nguy.

- Vì sao đại chủng là chỗ nhận giữ?

- Là do tùy theo lượng của đại chủng mà sắc được tạo không bị hủy hoại.

- Vì sao đại chủng là chỗ nuôi lớn?

- Vì do nhân nơi ăn uống, ngủ nghỉ, tu tập Phạm hạnh, tam muội v.v... đều dựa nơi đại chủng, khiến sắc được tạo lại càng thêm lớn rộng, nên nói đại chủng làm nhân nuôi lớn sắc được tạo. Như vậy, nên biết các đại chủng đối với sắc được tạo có năm thứ tác dụng.

Lại nữa, ở trong sắc tụ từng không có cực vi sanh. Nếu lúc từ chủng tử của tự thể sanh thì chỉ là tụ tập sanh, hoặc nhỏ hoặc vừa hoặc lớn.

Lại, chẳng phải cực vi tích tập tạo thành sắc tụ. Chỉ do trí tuệ giác ngộ phân tích các sắc đến biên vực tận cùng của dung lượng, rồi phân biệt giả lập, gọi là cực vi.

Lại, sắc tụ cũng có phương, phần; cực vi cũng có phương hướng, phần vị. Nhưng sắc tụ có phần vị chẳng phải là cực vi. Vì sao? Vì do cực vi tức là phần vị. Đây là chỗ hiện có của sắc tụ, không phải là cực vi, nên đâu lại có cực vi khác? Do đấy, cực vi không có phần vị.

Lại, không cùng lia có hai thứ:

Một là: Không cùng lia do đồng xứ. Nghĩa là, cực vi của đại chủng cùng với sắc, hương, vị, xúc v.v..., ở nơi xứ không căn thì có sự lia căn. Ở nơi xứ có căn thì có trường hợp có căn, đó gọi là không cùng lia do đồng xứ.

Hai là: Không cùng lia do cùng đan xen: nghĩa là, cực vi của đại chủng này cùng với sắc xứ của chủ thể, đối tượng tạo được tích tập khác luôn kết hợp. Đó gọi là không cùng lia do cùng đan xen.

Lại, sắc tụ hiện bày khắp ấy, nên biết như vô số các vật, dùng đá nghiền nát vụn, lấy nước trộn lẫn, cùng không lia nhau. Chẳng phải như hạt mè kết hợp nơi đồng hạt đậu, thóc, cỏ lúa.

Lại, hết thấy sắc được tạo đều nương nơi xứ của đại chủng, không vượt quá hạn lượng nơi xứ của đại chủng, kể cả nơi chốn của đại chủng dựa vào. Các sắc được tạo trở lại tức dựa vào đấy. Do nhân duyên này nên nói sắc được tạo nương nơi đại chủng. Tức do ý nghĩa ấy nên nói các đại chủng gọi là đại chủng. Vì tánh của đại chủng ấy là lớn, nên làm hạt giống sanh khởi.

Lại nữa, ở trong các sắc tụ, lược nêu có 14 chủng loại. Đó là đất, nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, và năm căn như nhãn v.v... Chỉ trừ sắc là đối tượng hành của ý, tất cả hữu sắc của sắc tụ thuộc về các căn, đều có hết thấy sự giới như đã nói. Như tụ của hữu sắc thuộc về các căn, tụ của hữu sắc là chỗ dựa của các căn, thuộc về đại chủng cũng lại như vậy. Chỗ sắc tụ còn lại, trừ các căn hữu sắc, chỉ còn có Giới.

Lại, căn cứ nơi chỗ cùng thấu tóm, có mười bốn sự. Tức do cùng thấu tóm, nêu bày về sự vật cực vi. Nếu căn cứ nơi Giới để thấu tóm, thì tùy theo tụ này có bao nhiêu giới, tức nơi tụ ấy cũng có bấy nhiêu sự được thấu tóm.

Nếu căn cứ nơi chỗ không cùng lìa để thấu tóm, thì các tụ hiện có hoặc trong hoặc ngoài, tùy trong tụ ấy, cho đến có bao nhiêu pháp tướng có thể đạt được, tức nói tụ ấy cũng có bấy nhiêu sự được thấu tóm, nên biết. Vì sao? Vì hoặc có trường hợp trong tụ chỉ có một đại chủng có thể đạt được, như trong nhóm các thứ đá mặt ni, chân châu, lưu ly, kha bối, bích ngọc, san hô v.v... Hoặc trong nhóm các thứ ao, hồ, ngòi, rãnh, sông, suối. Hoặc nơi nhóm các thứ lửa, ngọn lửa, đèn, đuốc v.v... Hoặc trong nhóm Phong luân bốn phương, gió có bụi không bụi v.v...

Hoặc có trường hợp trong tụ có hai đại chủng có thể đạt được, như trong nhóm các loại tuyết, ẩm ướt, cây cối, lá, hoa, quả v.v... Hoặc trong nhóm mặt ni nung nóng v.v...

Hoặc có trường hợp trong tụ có ba đại chủng có thể đạt được, như trong các loại cây phát nhiệt, hoặc trong sự dao động. Hoặc có trường hợp trong tụ có bốn đại chủng có thể đạt được, nghĩa là ở nơi sắc tụ bên trong, như Đức Bạc-già-phạm đã nêu giảng, ở mỗi phần riêng biệt trong thân như tóc, lông v.v... cho đến phân đờ là địa giới bên trong, hoặc các thứ tiểu tiện v.v... là thủy giới bên trong. Hoặc thân nhiệt là hỏa giới bên trong. Hoặc gió chuyển động lên trên, là phong giới bên trong. Như vậy, nếu nơi tụ này, các tướng kia có thể đạt được, thì gọi tướng ấy là có. Nếu không thể đạt được thì gọi tướng ấy là không.

Lại nữa, thanh ở trong tất cả sắc tụ, có Giới nên nói là có tướng tức bất định, do phương tiện hiện tại sanh.

Gió có hai loại: là luôn tương tục và chẳng luôn tương tục.

- Luôn tương tục: Nghĩa là nơi các thứ tụ kia, có gió luôn xoay chuyển.

- Chẳng luôn tương tục: Tức gió lốc và gió chuyển động nơi hư không.

Lại, sắc tối, sắc sáng, gọi là không giới và lỗ trống.

Lại, các sắc tối luôn nối tiếp: là khoảng giữa của thế giới.

Không luôn nối tiếp: là ở nơi xứ khác thêm vào.

Sắc sáng luôn nối tiếp: Nghĩa là ở nơi ánh sáng tự nhiên trong bầu Trời. Không luôn nối tiếp: là ở nơi xứ khác.

Lại, sắc sáng tối, là nơi tụ của hiển sắc tăng, nên biết.

Lại, do nương dựa vào công năng nơi chủng tử của sắc tụ, nên nếu

lúc gặp duyên tương tự, hoặc tụ nhỏ không gián đoạn, tụ lớn sanh, hoặc tụ lớn không gián đoạn, tụ nhỏ sanh. Do nhân duyên ấy nên chỗ nêu bày các tụ có tăng có giảm. Như nơi kinh nói: Hoặc bền chắc, thâm tóm, hoặc gần gũi thâm tóm, chẳng phải gần gũi thâm tóm, nhận giữ, cho đến nói rộng.

Thế nào là bền chắc? Đó là đất.

Thế nào là bền chắc thâm tóm? Tức là chủng tử của đất.

Lại, bền chắc: tức là địa Giới. Bền chắc thâm tóm: nghĩa là tóc, lông v... hoặc hờn đất v.v...

Gần gũi thâm tóm là sao? Nghĩa là có nhận giữ.

Thế nào là nhận giữ? Tức là những thứ thuộc về bên trong.

Thế nào là chẳng phải gần gũi thâm tóm? Nghĩa là không có nhận giữ.

Không có nhận giữ là sao? Tức là những thứ thuộc về bên ngoài.

Lại, chủng tử được giữ lấy của tâm, tâm sở, gọi là gần gũi thâm tóm, gọi là nhận giữ. Trái với nghĩa này, gọi là chẳng phải gần gũi thâm tóm, gọi là chẳng phải nhận giữ.

Lại, theo đuổi nơi tự thân, nên gọi là gần gũi thâm tóm, nhận giữ, như trước đã nói.

Như vậy, các Giới như nước, đúng như lý, nên biết.

Lại, ở trong tất cả sắc tụ, hết thảy mọi thời, đều có đủ tất cả Giới của đại chủng. Như thế gian hiện thấy các vật như cỏ khô v.v... dù mãi tức lửa sanh, hoặc dùng đá đập vào nhau, cũng vậy. Lại, đồng, sắt, vàng, bạc v... khi bị lửa cao độ nung đốt, tức tan chảy thành nước, hoặc từ ngọc báu Nguyệt ái nước liền tẩm ra.

Lại, người đạt được thần thông, do diệu lực thắng giải của tâm, có thể biến đại địa v.v... thành vàng, bạc v.v...

Lại, sắc tụ có ba thứ lưu chuyển:

1. Nuôi lớn.
2. Đăng lưu.
3. Dị thực sanh.

1. Nuôi lớn có hai thứ:

Một là: Nuôi lớn hiện bày khắp xứ.

Hai là: Nuôi lớn khiến tương thêm đầy đủ.

2. Đăng lưu có bốn thứ:

Một là: Đăng lưu của nuôi lớn.

Hai là: Đăng lưu của dị thực.

Ba là: Đăng lưu của biến dị.

Bốn là: Đẳng lưu của tự tánh.

3. Dị thực sanh có hai loại:

Một là: Thể của dị thực sanh ra gọi là dị thực sanh.

Hai là: Từ dị thực sanh ra gọi là dị thực sanh.

Lại, các sắc tụ lược nói, dựa nơi 6 xứ chuyển:

1. Xứ kiến lập.
2. Xứ che giữ.
3. Xứ sinh hoạt.
4. Xứ là chỗ dựa của căn.
5. Xứ của căn.
6. Xứ là chốn hành của Tam ma địa.

Lại nữa, ở trong phần tâm, tâm sở, có tâm và 53 tâm sở có thể đạt được. Đó là tác ý v.v... cho đến sau cùng là tầm, tứ, như trước đã nêu.

Hỏi: Các tâm sở như vậy, có bao nhiêu dựa nơi tất cả xứ tâm sanh, tất cả địa, tất cả thời, tất cả?

- Đáp: Có năm. Nghĩa là tác ý v.v... sau cùng là tứ.

Có bao nhiêu dựa nơi tất cả xứ tâm sanh, tất cả địa, không phải tất cả thời, không phải tất cả?

- Cũng có năm. Tức là dục v.v..., sau cùng là tuệ.

Có bao nhiêu chỉ dựa nơi thiện, chẳng phải tất cả xứ tâm sanh, nhưng là tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

- Do là tín v.v... cho đến sau cùng là bất hại.

Có bao nhiêu chỉ dựa nơi nhiễm ô, chẳng phải tất cả xứ tâm sanh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

- Đó là tham v.v... cho đến bất chánh tri là sau cùng.

Có bao nhiêu dựa nơi tất cả xứ tâm sanh, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

- Đó là ố tác v.v.. cho đến tứ là sau cùng.

Lại nữa, căn chẳng hoại, cảnh giới hiện tiền, tác ý của chủ thể sanh chính thức dấy khởi, bấy giờ từ đấy, thức mới được sanh.

Thế nào là căn chẳng hoại? Nghĩa là có hai thứ nhân: Một là không hoại diệt. Hai là không yếu kém.

Thế nào là cảnh giới hiện tiền? Nghĩa là hoặc do nơi chốn được nương dựa, hoặc do tự tánh. Hoặc do, hoặc do phương hướng, hoặc do thời điểm, hoặc do rõ ràng không rõ ràng, hoặc do toàn phần cùng một phần, nên bốn thứ chướng ngại không ngăn che, cũng không ở quá xa. Bốn thứ chướng ngại là:

1. Chướng ngại che chắn.

2. Chương ngại ẩn mất.
3. Chương ngại đoạt mất ánh sáng.
4. Chương ngại do huyền hoặc.

Quá xa có hai thứ:

1. Nơi chốn quá xa (quá xa do nơi chốn).
2. Tồn giảm quá xa (quá xa do tồn giảm).

Thế nào là tác ý của chủ thể sanh chính thức đấy khởi? Do bốn nhân:

1. Do sức của dục.
2. Do sức của niệm.
3. Do sức của cảnh giới.
4. Do sức của nhiều lần tập quen.

Thế nào là do sức của dục? Nghĩa là nếu ở nơi xứ ấy, tâm có tham ái chấp trước thì tâm ở ngay đấy có các tác ý sanh khởi.

Thế nào là do sức của niệm? Nghĩa là nếu ở nơi cảnh giới ấy đã khéo giữ lấy hình tướng, đã đầy tưởng hết mực, thì tâm liền ngay đấy sanh khởi các tác ý.

Thế nào là do sức của cảnh giới? Nghĩa là nếu ở cảnh giới kia hoặc hết sức rộng lớn hoặc rất hợp ý chính thức hiện tiền, tâm tức ở nơi ấy sanh khởi các tác ý.

Thế nào là do sức của nhiều lần tập quen? Tức là, nếu ở nơi cảnh giới kia đã quá quen thuộc, đã quá am hiểu, tâm tức ở đấy liền sanh khởi các tác ý.

Nếu khác với điều này, nên ở nơi một cảnh của đối tượng duyên chỉ có một tác ý sanh khởi trong tất cả thời điểm.

Lại, chẳng phải năm thức thân có hai sát na theo nhau cùng sanh. Cũng chẳng phải lần lượt không gián đoạn hỗ tương mà sanh.

Lại, một sát na nơi năm thức thân sanh rồi, từ đấy, không gián đoạn, tất ý thức sanh. Từ đấy, không gián đoạn, hoặc lúc tán loạn thì hoặc nhĩ thức sanh, hoặc một thức nào đấy trong năm thức thân sanh. Nếu không tán loạn thì nhất định tâm quyết định thứ hai trong ý thức sanh. Do hai ý thức tìm cầu và quyết định ấy nên có sự phân biệt về cảnh giới.

Lại, do hai thứ nhân hoặc nhiễm ô, hoặc pháp thiện sanh, nên gọi là phân biệt.

Lại, do chỗ dẫn dắt trước tiên, nên chỗ hiện có trong ý thức do hai thứ nhân.

Tại năm thức, chỉ do chỗ dẫn dắt trước. Vì sao? Vì do sức của ý

thức nhiễm ô và thiện dẫn dắt, nên từ đây không gián đoạn, ở trong các thức như nhãn thức v.v... pháp nhiễm ô và thiện sanh, không do phân biệt, vì năm thức kia không phân biệt. Do đạo lý này nên nói các thức như nhãn thức v.v... thuận theo ý thức chuyển. Như nơi kinh nói đây khởi một tâm hoặc nhiều tâm.

Làm thế nào để an lập một tâm này? Nghĩa là theo ngôn ngữ của thế tục nói một sát na của tâm chẳng phải là sát na sanh khởi.

Thế nào là theo ngôn ngữ của thế tục nói một sát na của tâm? Nghĩa là một xứ là nơi nương dựa, đối với sự việc của một cảnh giới, có bao nhiêu thứ phân biệt nhận biết sanh khởi, toàn bộ từng ấy thời gian, gọi là một sát na của tâm.

Lại, cho nổi tiếp tương tự cũng gọi là một, vì cùng với niệm thứ hai là rất giống nhau!

Lại, ý thức tự nhiên duyên theo tán loạn, lúc không tập quen nơi cảnh, không sanh các thứ như dục v.v..., bấy giờ ý thức gọi là “Tâm suất nhĩ đạo” (tức Tâm suất nhĩ: tâm tự nhiên xuất hiện tức thời...). Nếu chỉ duyên về nơi cảnh quá khứ, do năm thức không gián đoạn, nên ý thức được sanh, hoặc tìm cầu, hoặc quyết định. Chỉ nên nói duyên nơi cảnh hiện tại, nếu tâm ấy duyên nơi cảnh kia sanh.

Lại, thức là chủ thể phân biệt, nhận biết về tổng tướng của sự vật. Tức cảnh tướng ấy là đối tượng được phân biệt, nhận biết hay chưa phân biệt, nhận biết.

Chủ thể phân biệt nhận biết: đó gọi là tác ý. Tức tướng hợp ý không hợp ý, hoặc cả hai (hợp ý và không hợp ý) ấy là do xúc phân biệt nhận biết. Tức tướng thâm nhận, tổn hại, hoặc cả hai ấy là do thọ phân biệt, nhận biết. Tức tướng nhân của ngôn ngữ thuyết giảng ấy là do tướng phân biệt nhận biết.

Tức tướng là nhân của hành chánh, tà, hoặc cả hai ấy, là do tư phân biệt, nhận biết. Do đó, nói tác ý kia cho đến sau cùng là tư, gọi là pháp sở hữu của tâm (tâm sở), hiện bày chấp tất cả xứ, tất cả địa, tất cả thời, tất cả đời.

Tác ý là thế nào? Nghĩa là tâm xoay chuyển trở lại.

Xúc là thế nào? Đó là ba thứ hòa hợp (căn, cảnh, thức).

Thọ là thế nào? Nghĩa là nhận lãnh, thâm nạp.

Tướng là sao? Tức hiểu rõ về hình tượng.

Tư là thế nào? Tức là tâm tạo tác.

Dục là thế nào? Nghĩa là đối với sự vật đáng vui thích, theo đấy mà làm, tánh muốn có được chỗ tạo tác.

Thắng giải là sao? Nghĩa là đối với sự việc đã được quyết định, theo đấy mà hành trì, tánh tức có thể tùy thuận.

Niệm là thế nào? Nghĩa là nơi sự việc đã tập quen, theo đấy mà làm, tánh ghi nhớ rõ ràng.

Thế nào là Tam-ma-địa (định)? Tức đối với sự vật được quan sát, theo đấy mà hành xử, tánh suy xét kỹ về một cảnh là chỗ dựa của tâm.

Thế nào là tuệ? Nghĩa là ở nơi sự vật đã được quan sát, theo đấy mà hành trì, tánh lựa chọn các pháp, hoặc do chỗ nêu dẫn đúng như lý, không đúng như lý, hoặc do chỗ nêu dẫn chẳng phải như lý, chẳng phải chẳng như lý.

Lại, tác ý tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp dẫn dắt tâm.

Xúc tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm chỗ dựa cho thọ, tưởng, tư.

Thọ tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm chỗ dựa cho ái sanh khởi.

Tưởng tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp ở nơi đối tượng duyên khiến tâm phát khởi vô số ngôn thuyết.

Tư tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm phát khởi tâm, tư về thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Dục tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm phát sanh siêng năng.

Thắng giải tạo ra nghiệp gì? Đây là nghiệp ở nơi đối tượng duyên nhận giữ các thứ công đức, lỗi lầm.

Niệm tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp nhớ nghĩ về các điều đã tư duy, hành xử, nói năng từ lâu xa.

Tam ma địa tạo ra nghiệp gì? Đó là nghiệp làm chỗ dựa cho trí.

Tuệ tạo ra nghiệp gì? Đây là nghiệp ở nơi đối tượng hành của hý luận nhiệm ô, thanh tịnh tùy thuận suy tìm.

Thế nào là kiến lập ba đời? Nghĩa là các chủng tử không lìa pháp, nên kiến lập đúng như pháp. Lại do dự vào quả hay chưa dự vào quả. Như pháp của quả, nếu tướng đã diệt là quá khứ. Tướng có nhân chưa sanh là vị lai. Tướng đã sanh chưa diệt là hiện tại.

Thế nào là kiến lập sanh, lão, trụ, vô thường? Nghĩa là kiến lập nơi tất cả chủng tử nối tiếp cùng hành trong thức tương tục của tất cả xứ, do có sức của duyên, nên pháp trước chưa nối tiếp sanh, nay sanh đầu tiên, đó gọi là tướng hữu vi của sanh. Tức tánh ấy đối khác, gọi là tướng hữu vi của lão. Đây lại có hai thứ: Một là: Tánh biến khác của tánh khác. Hai là: Tánh biến khác của tánh biến. Do có sự sanh giống nhau

nên lập tánh biến khác của tánh khác. Do có sự sanh không giống nhau nên lập tánh biến khác của tánh biến. Tức lúc đã sanh chỉ là chuyển theo sát na sanh, nên gọi là tướng hữu vi của trụ. Sau sát na sanh, sát na không dừng nên gọi là tướng hữu vi của vô thường.

Như vậy tức căn cứ nơi phần vị sai biệt của các pháp để kiến bốn tướng.

Lại có bốn duyên. Đó là:

1. Duyên nhân.
2. Duyên đẳng vô gián.
3. Duyên sở duyên.
4. Duyên tăng thượng.

1. Duyên nhân: Tức là chủng tử.

2. Duyên đẳng vô gián: Nghĩa là nếu thức này không gián đoạn thì các thức nhất định sanh, nên thức này là duyên đẳng vô gián (duyên cùng không gián đoạn) cho thức kia.

3. Duyên sở duyên: Tức là cảnh giới nơi đối tượng duyên (sở duyên) của các tâm, tâm sở.

4. Duyên tăng thượng: Nghĩa là trừ chủng tử, còn lại là chỗ nương dựa. Như mắt và pháp trợ bạn đối chiếu với nhãn thức. Các thức còn lại cũng vậy.

Lại, tánh thiện, bất thiện, có thể giữ lấy quả yêu thích không yêu thích, các loại như vậy gọi là duyên tăng thượng.

Lại, do chủng tử nên kiến lập duyên nhân, do tự tánh nên lập duyên đẳng vô gián. Do cảnh của đối tượng duyên nên lập duyên sở duyên. Do đối tượng nương dựa cùng trợ bạn, nên lập duyên tăng thượng. Như nơi kinh nói: “Các nhân các duyên có thể sanh khởi thức”. Đây tức là nói về bốn duyên này. Trong ấy, một thứ cũng là nhân cũng là duyên. Các thứ còn lại chỉ là duyên.

Lại, như nơi kinh nói: Thiện, bất thiện, vô ký, vậy chúng khác nhau như thế nào?

Nghĩa là các pháp thiện, hoặc lập một thứ, do nghĩa không tội.

Hoặc lập hai thứ: là thiện sanh đắc và thiện phương tiện.

Hoặc lập ba thứ: là thiện tự tánh, thiện tương ứng, và thiện đẳng khởi.

Hoặc lập bốn thứ: là thiện thuộc phần phước, thiện thuận phần giải thoát, thiện thuận phần quyết đoán lựa chọn và thiện vô lậu.

Hoặc lập năm thứ: là thiện tánh trí, thiện tánh giới, thiện tánh tu, thiện quả ái, thiện quả ly hệ.

Hoặc lập sáu thứ: tức là thiện nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức và trạch diệt.

Hoặc lập bảy thứ: Tức:

- Thiện thuộc về bốn niệm trụ (niệm xứ).
- Thiện thuộc về bốn chánh cần.
- Thiện thuộc về bốn thần túc.
- Thiện thuộc về năm căn.
- Thiện thuộc về năm lực.
- Thiện thuộc về bảy giác chi.
- Thiện thuộc về tám chi đạo.

Hoặc lập làm tám thứ:

1. Thiện thuộc về các hành nghiệp đứng dậy, đón tiếp, chấp tay, hỏi han, lễ kính.
2. Thiện thuộc về các việc tán thán kẻ khác giảng nói khéo léo, khen ngợi về Đức Phật.
3. Thiện thuộc về việc chăm sóc giúp đỡ người bệnh.
4. Thiện thuộc về việc kính thờ bậc sư trưởng.
5. Thiện thuộc về hành tùy hỷ.
6. Thiện thuộc về hành khuyên thỉnh.
7. Thiện thuộc về pháp hồi hướng.
8. Thiện thuộc về hành tu bốn vô lượng.

Hoặc lập làm chín thứ: Đó là: Thiện thuộc về các đạo phương tiện: vô gián, giải thoát, thắng tấn, và thiện thuộc về đạo thế gian, xuất thế gian với ba bậc thượng, trung, hạ.

Hoặc lập làm mười thứ. Đó là:

1. Thiện có nương dựa.
2. Thiện không nương dựa.
3. Thiện do nghe (văn) sanh khởi.
4. Thiện do tư sanh khởi.
5. Thiện thuộc về luật nghi.
6. Thiện thuộc về phi luật nghi, phi chẳng luật nghi.
7. Thiện thuộc về quyền thuộc căn bản.
8. Thiện thuộc về thừa Thanh văn.
9. Thiện thuộc về thừa Độc giác.
10. Thiện thuộc về Đại thừa.

Lại lập làm mười thứ:

- Thiện thuộc về cõi Dục (1).
- Thiện thuộc về bốn bậc Tính lự (4).

- Thiện thuộc về bốn định Vô sắc (4).

- Thiện thuộc về Vô lậu (1).

Lại có mười thứ: Tức thiện nơi mười nghiệp đạo.

Lại có mười thứ: Tức chánh kiến vô học cho đến chánh giải thoát chánh trí.

Lại có mười thứ: Là thiện do có thể cảm nơi tám phước sanh, thiện của bậc Chuyển Luân Vương và thiện hưởng tới bất động.

Các loại thiện sai biệt như thế, lược nói có hai thứ nghĩa: Là nghĩa nhận lấy quả yêu thích và nghĩa khéo biết rõ sự việc cùng quả kia.

Pháp bất thiện: Là pháp trái với pháp thiện và có thể làm chướng ngại, do hay nhận lấy quả không yêu thích cùng không hiểu biết đúng về sự việc.

Pháp vô ký lược nêu có bốn thứ: Đó là dị thực sanh, một phần đường oai nghi, xứ công xảo và biến hóa. Nếu các xứ công xảo chỉ là vui chơi, không vì đời sống, không phải là tưởng học nghề, chẳng phải là chọn lựa, thì nghiệp của xứ công xảo ấy là nhiễm ô, ngoài ra là vô ký. Như xứ công xảo, đường oai nghi cũng vậy. Biến hóa có hai loại: nghĩa là thiện và vô ký.

Lại nữa, mắt có một thứ: Tức có thể thấy sắc.

Hoặc lập hai loại: Là mắt nuôi lớn và mắt dị thực sanh.

Hoặc lập ba loại: Tức mắt thịt, mắt Trời và mắt tuệ (nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn).

Hoặc lập làm bốn loại: Là mắt có nháy, mắt không nháy, mắt luôn nối tiếp, mắt không luôn nối tiếp.

Mắt luôn nối tiếp: Là mắt ở cõi Sắc.

Hoặc lập làm năm loại: Nghĩa là mắt thuộc về năm cõi.

Hoặc lập làm sáu loại. Đó là:

- Mắt tự tương tục.
- Mắt do kẻ khác làm cho tương tục.
- Mắt đoan nghiêm.
- Mắt xấu xí.
- Mắt có cấu uế.
- Mắt không cấu uế.

Hoặc lập làm bảy thứ. Tức:

- Mắt có thức.
- Mắt không có thức.
- Mắt khỏe.
- Mắt kém.

- Mất là chỗ dựa để nhận biết về thiện.
- Mất là chỗ dựa để nhận biết về bất thiện.
- Mất là chỗ dựa để nhận biết về vô ký.

Hoặc lập làm tám thứ. Gồm:

- Mất làm nơi chốn nương dựa.
- Mất biến hóa.
- Mất do dị thực của nghiệp thiện sanh.
- Mất do dị thực của nghiệp bất thiện sanh.
- Mất do thức ăn nuôi lớn.
- Mất do ngủ nghỉ nuôi lớn.
- Mất do Phạm hạnh nuôi lớn.
- Mất do định nuôi lớn.

Hoặc lập làm chín thứ. Gồm:

1. Mất đã đạt được.
2. Mất chưa đạt được.
3. Mất từng đạt được.
4. Mất chưa từng đạt được.
5. Mất đạt được rồi mất.
6. Mất nên đoạn trừ.
7. Mất không nên đoạn trừ.
8. Mất đã đoạn trừ.
9. Mất chẳng phải đã đoạn trừ.

Hoặc lập làm 10 loại: Không có.

Hoặc lập làm 11 loại. Tức:

- Mất quá khứ.
- Mất hiện tại.
- Mất vị lai.
- Mất bên trong.
- Mất bên ngoài.
- Mất thô.
- Mất vi tế.
- Mất thấp kém.
- Mất tinh diệu.
- Mất xa.
- Mất gần.

Như mất, tai v.v... cũng vậy. Sự sai biệt ở đây là: Loại lập làm ba, bốn có khác:

Ba loại tai là:

1. Tai do thịt bao quanh.
2. Tai Trời (thiên nhĩ).
3. Tai xét kỹ.

Bốn loại tai là:

1. Tai luôn tương tục.
2. Tai không luôn tương tục.
3. Tai nghe giọng cao.
4. Tai không nghe giọng cao.

Ba loại mũi, lưỡi là:

1. Mũi, lưỡi sáng sạch.
2. Mũi, lưỡi không sáng sạch.
3. Mũi, lưỡi bị hao tổn.

Bốn thứ mũi, lưỡi là:

1. Mũi, lưỡi luôn tương tục.
2. Mũi, lưỡi không luôn tương tục.
3. Mũi, lưỡi có thức.
4. Mũi, lưỡi không có thức.

Ba thứ thân là:

1. Thân của nơi chốn cấu uế.
2. Thân của nơi chốn không cấu uế.
3. Thân là chỗ theo đuổi của các căn hiện bày khắp tất cả.

Bốn thứ thân là:

1. Thân luôn tương tục.
2. Thân không luôn tương tục.
3. Thân có ánh sáng tự nhiên.
4. Thân không có ánh sáng tự nhiên.

Hoặc lập làm một thứ ý: Là do nghĩa của pháp thức.

Hoặc lập làm hai thứ. Tức:

- Ý được nêu bày.
- Ý không được nêu bày.

Loại đầu là ý phân biệt, nhận biết về danh, ngôn.

Loại sau là ý của trẻ thơ.

Lại, loại đầu là ý của thế gian. Loại sau là ý của xuất thế gian.

Hoặc lập làm ba thứ: Tức là tâm, ý, thức.

Hoặc lập làm bốn thứ. Tức gồm:

- Ý thiện.
- Ý bất thiện.
- Ý hữu phú vô ký.

- Ý vô phú vô ký.

Hoặc lập làm năm thứ. Tức là năm vị sai biệt:

- Vị nhân.
- Vị quả.
- Vị vui.
- Vị khổ.
- Vị không vui không khổ.

Hoặc lập làm sáu thứ: Tức là sáu thức thân.

Hoặc lập làm bảy thứ: Nghĩa là dựa nơi bảy thức trụ.

Hoặc lập làm tám thứ: Gồm:

- Tương ứng với xúc tăng ngữ.
- Tương ứng với xúc có đối.
- Nướng nơi ham thích.
- Nướng nơi xuất ly.
- Vị (mùa vị) có ái.
- Vị không ái.
- Thế gian.
- Xuất thế gian.

Hoặc lập làm chín thứ: Nghĩa là dựa nơi chín trú xứ của hữu tình.

Hoặc lập làm 10 thứ: Không có.

Hoặc lập làm 11 thứ: Như phần trước đã nói.

Hoặc lập làm 12 thứ: Tức 12 tâm. Gồm:

- Tâm thiện, tâm bất thiện của cõi Dục (2).
- Tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký (2).

Cõi Sắc có ba tâm (trừ tâm bất thiện). Cõi Vô sắc cũng vậy (3).

Tâm xuất thế gian có hai loại: Là hữu học và vô học.

Hoặc lập một thứ sắc: Tức do nghĩa là đối tượng hành của mắt.

Hoặc lập làm hai thứ: Là sắc trong và sắc ngoài.

Hoặc lập làm ba thứ: Là hiển sắc, hình sắc và biểu sắc.

Hoặc lập làm bốn thứ. Tức:

- Sắc có dựa nơi ánh sáng.
- Sắc không dựa nơi ánh sáng.
- Sắc của ánh sáng chân chánh và sắc của ánh sáng không

chân chánh.

- Sắc chứa nhóm trụ.

Hoặc lập làm năm thứ: Nghĩa là do năm cõi sai biệt.

Hoặc lập làm sáu thứ. Gồm:

- Sắc thuộc về kiến lập.

- Sắc thuộc về che giấu.
- Sắc thuộc về cảnh giới.
- Sắc thuộc số lượng của hữu tình.
- Sắc chẳng phải thuộc số lượng của hữu tình.
- Sắc có thấy có đối.

Hoặc lập làm bảy thứ: Tức là do bảy thứ thân nhận sai khác.

Hoặc lập làm tám thứ: Là dựa nơi tám thứ tạp thuyết của thế gian:

- Sắc tạp của phần đất.
- Sắc tạp của núi.
- Sắc tạp của vườn rừng, ao hồ.
- Sắc tạp của cung điện, nhà cửa.
- Sắc tạp của xứ nghiệp.
- Sắc tạp của tranh vẽ đẹp.
- Sắc tạp của nghề rèn đúc.
- Sắc tạp của các vật dụng.

Hoặc lập làm chín thứ: Nghĩa là, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc thô, hoặc tế, hoặc xấu kém, hoặc tinh diệu, hoặc xa, hoặc gần.

Hoặc lập làm 10 thứ: Là 10 thứ của cải.

Hoặc lập một thứ âm thanh: Tức do nghĩa là đối tượng hành của tai.

Hoặc lập làm hai thứ: Là âm thanh biết rõ nghĩa, âm thanh không biết rõ nghĩa.

Hoặc lập làm ba thứ: Âm thanh do thọ nhận đại chủng. Âm thanh do không thọ nhận đại chủng. Âm thanh do thọ và không thọ đại chủng.

Hoặc lập làm bốn thứ: Tức thiện, bất thiện, hữu phú vô ký và vô phú vô ký.

Hoặc lập làm năm thứ: Nghĩa là do sự sai biệt của năm cõi.

Hoặc lập làm sáu thứ: Gồm:

1. Âm thanh thọ trì đọc tụng.
2. Âm thanh thỉnh vấn.
3. Âm thanh thuyết pháp.
4. Âm thanh luận bàn, quyết định, lựa chọn.
5. Âm thanh lần lượt nên dạy, hoặc xâm nhập, hoặc ra khỏi.
6. Âm thanh ồn ào, huyên náo.

Hoặc lập làm bảy thứ: Tức là âm thanh nam, nữ, thấp, vừa, cao; âm thanh của chim thú v.v..., âm thanh của gió thổi rừng cây.

Hoặc lập làm tám thứ: Tức âm thanh của bốn loại Thánh ngôn, âm thanh của bốn loại không phải Thánh ngôn.

Bốn loại không phải Thánh ngôn là:

1. Không thấy nói thấy, thấy nói không thấy.
2. Không nghe nói nghe, nghe nói không nghe.
3. Không hiểu nói hiểu, hiểu nói không hiểu.
4. Không biết nói biết, biết nói không biết.

Bốn loại là Thánh ngôn:

1. Thấy nói thấy, không thấy nói không thấy.
2. Nghe nói nghe, không nghe nói không nghe.
3. Hiểu nói hiểu, không hiểu nói không hiểu.
4. Biết nói biết, không biết nói không biết.

Lại có tám thứ: Là:

- Bốn nghiệp đạo ngữ thiện.
- Bốn nghiệp đạo ngữ bất thiện.

Hoặc lập làm chín thứ: Nghĩa là quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến hoặc gần, hoặc xa.

Hoặc lập làm mười thứ: Tức âm thanh thuộc về năm thứ nhạc:

1. Âm thanh múa cùng hành.
2. Âm thanh ca cùng hành.
3. Âm thanh đàn địch cùng hành.
4. Âm thanh nữ cùng hành.
5. Âm thanh nam cùng hành.
6. Âm thanh loa ốc cùng hành.
7. Âm thanh của trống như yêu v.v... cùng hành.
8. Âm thanh của trống như cương v.v... cùng hành.
9. Âm thanh của trống như đồ đàm v.v... cùng hành.
10. Âm thanh của hô lớn, hát.

Hoặc lập một thứ hương: Tức do nghĩa là đối tượng hành của mũi.

Hoặc lập hai thứ: Tức trong và ngoài.

Hoặc lập ba thứ: Tức vừa ý, không vừa ý và hương ở giữa.

Hoặc lập làm bốn thứ: Là hương của bốn đại: hương trầm, hương tốt đổ lỗ ca, hương long não, hương xạ.

Hoặc lập làm năm thứ: Tức hương của rễ, thân, lá, hoa, quả.

Hoặc lập làm sáu thứ:

- Hương của thức ăn.
- Hương của thức uống.

- Hương của y phục.
- Hương của các vật dụng trang sức.
- Hương của xe cộ.
- Hương của cung điện, nhà cửa.

Hoặc lập làm bảy thứ:

- Hương của vỏ.
- Hương của lá.
- Hương chiên đàn.
- Hương cay.
- Hương xoa.
- Hương bột.

Hoặc lập làm tám thứ:

- Hương đồng thời cùng sanh.
- Hương không đồng thời cùng sanh.
- Hương luôn tương tục.
- Hương không luôn tương tục.
- Hương xen tạp.
- Hương thuần nhất.
- Hương nồng nàn.
- Hương không nồng nàn.

Hoặc lập làm chín thứ: Tức là quá khứ, hiện tại, vị lai v.v... như trước đã nêu.

Hoặc lập làm mười thứ: Tức hương nữ, hương nam, hương ngón tay, hương hai ngón tay, hương nước miếng khạc nhổ, hương nước mũi, hương mỡ-tủy-mủ-máu, hương thịt, hương hỗn tạp, hương bùn đọng.

Hoặc lập một thứ vị: Tức do nghĩa là đối tượng hành của lưỡi.

Hoặc lập làm hai thứ: Nghĩa là trong, ngoài.

Hoặc lập làm ba thứ: Tức hợp ý v.v... như trước đã nói.

Hoặc lập làm bốn thứ: Là:

- Vị của đại mạch.
- Vị của lúa nếp.
- Vị của tiểu mạch.
- Vị của các loại lúa thóc dẻ khác.

Hoặc lập làm năm thứ:

- Vị của rượu uống.
- Vị không phải của rượu uống.
- Vị của rau cỏ.
- Vị trái cây.

- Vị của thức ăn.

Hoặc lập làm sáu thứ: Tức là ngọt, đắng v.v...

Hoặc lập làm bảy thứ: Là vị tô, vị dầu, vị mật, vị đường mía, vị sữa đông, vị muối, vị thịt.

Hoặc lập làm tám thứ: Như đã nói về hương. Hoặc

lập làm chín thứ: Cũng như đã nói về hương. Hoặc

lập làm mười thứ: Tức là:

- Vị có thể nhai nuốt.
- Vị có thể ăn.
- Vị có thể nếm.
- Vị có thể uống.
- Vị có thể mút.
- Vị có thể phơi khô.
- Vị sung túc.
- Vị ngon hơn.
- Vị rửa sạch.
- Vị thường tập quen.

Năm thứ sau là vị của các loại thuốc.

Hoặc lập một thứ xúc: Tức do nghĩa là đối tượng hành của thân.

Hoặc lập hai thứ: Như nói về hương.

Hoặc lập ba thứ: Nghĩa là hợp ý v.v...

Hoặc lập bốn thứ: Tức:

- Xúc do sờ chạm.
- Xúc do cầm nắm.
- Xúc do đánh đập.
- Xúc do mài nghiền.

Hoặc lập năm thứ: Tức do sự sai biệt của năm cõi.

Lại có năm thứ: Nghĩa là các xúc do muối, bọt gậy, rệp, rắn, bò cạp tạo ra.

Hoặc lập làm sáu thứ: Tức xúc khổ, xúc vui, xúc chẳng khổ chẳng vui, xúc đồng thời cùng sanh xúc thuộc về đối tượng trị, xúc thuộc về chủ thể trị.

Hoặc lập làm bảy thứ: Là:

- Xúc cứng chắc.
- Xúc ẩm ướt.
- Xúc ấm áp.
- Xúc động đậy.
- Xúc nhậy té.

- Xúc xoa, ấn mạnh.
- Xúc thân đối khác. Là xúc ẩm ướt, trơn tru.

Hoặc lập làm tám thứ:

- Xúc do tay chạm.
- Xúc do hòn đất chạm.
- Xúc do gậy chạm.
- Xúc do đao chạm.
- Xúc do khí lạnh chạm.
- Xúc do hơi ẩm chạm.
- Xúc do đối chạm.
- Xúc do khát chạm.

Hoặc lập làm chín thứ: Như đã nói về hương.

Hoặc lập làm mười thứ: Gồm:

- Xúc do thức ăn.
- Xúc do thức uống.
- Xúc do cỡi xe.
- Xúc do y phục.
- Xúc do các vật dụng trang sức.
- Xúc do các vật dụng ngồi, nằm, gối dựa (2).
- Xúc nam.
- Xúc nữ.
- Xúc do hai sự tương thọ dụng kia.

Lược nói về Pháp Giới:

Hoặc giả hoặc thật, có 87 pháp. Gồm:

- Pháp sở hữu của tâm (tâm sở) có 53. Khởi đầu từ tác ý cho đến tâm, tứ là sau cùng.

- Sắc thuộc về pháp xứ có hai thứ: Một là sắc thuộc về luật nghi không luật nghi. Hai là sắc là đối tượng hành của Tam ma địa.

- Hành bất tương ưng có 24 thứ là: đắc, định vô tướng, định diệt tận, dị thực vô tướng, mạng căn, chúng đồng phạm, tánh dị sanh, sanh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, lưu chuyển, định dị, tương ưng, thế tốc, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp.

- Vô vi có tám thứ: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, pháp thiện, bất thiện, vô ký, chân như, tướng bất động thọ diệt.

Vô vi như vậy nói rộng có tám, nói lược có sáu. Hoặc sáu, hoặc tám đều như nhau.

Lại nữa, Pháp giới hoặc lập một thứ: Tức là do nghĩa là đối tượng hành của ý.

Hoặc lập làm hai thứ: Là pháp thuộc về giả và pháp không thuộc về giả.

Hoặc lập làm ba thứ: Là có sắc, không sắc và hữu vi vô vi.

Hoặc lập làm bốn thứ:

- Pháp có sắc thuộc về giả.
- Pháp không sắc thuộc về tâm hiện có.
- Pháp không sắc không tương ứng, thuộc về giả.
- Pháp không sắc, vô vi thuộc về giả chẳng phải giả.

Hoặc lập làm năm thứ: Gồm:

- Pháp hiện có của tâm, sắc.
- Pháp của tâm bất tương ứng hành.
- Pháp thiện, vô ký, vô vi (3).

Hoặc lập làm sáu thứ: Là thọ, tưởng, hành tương ứng, hành không tương ứng, sắc, vô vi.

Hoặc lập làm bảy thứ: Là thọ, tưởng, tư, nhiễm ô, không nhiễm ô, sắc, vô vi.

Hoặc lập làm tám thứ: Tức thiện, bất thiện, vô ký, thọ, tưởng, hành, sắc, vô vi.

Hoặc lập làm chín thứ: Là do sự sai biệt của quá khứ, vị lai v.v...

Hoặc lập làm mười thứ: Tức là do mười thứ nghĩa:

1. Nghĩa theo đuổi sanh.
2. Nghĩa lãnh nhận đối tượng duyên.
3. Nghĩa giữ lấy tướng của đối tượng duyên.
4. Nghĩa ở nơi đối tượng duyên tạo tác.
5. Nghĩa phân vị sai biệt của các pháp kia.
6. Nghĩa không chướng ngại.
7. Nghĩa luôn lìa trói buộc.
8. Nghĩa thường không lìa trói buộc.
9. Nghĩa thường không điên đảo.

10. Nghĩa lìa mọi ràng buộc của khổ vui. Nghĩa không thọ nhận lìa trói buộc và thọ nhận lìa trói buộc.

Như vậy, pháp thuộc về sáu xứ, hoặc trong hoặc ngoài, phân biệt về chỗ sai khác có 660 pháp.

Lại nữa, thường quán các sắc, quán rồi lại xả, nên gọi là mắt. Luôn luôn gắn với âm thanh cho đến khi có thể nghe, nên gọi là tai. Thường do điều ấy để có thể ngửi các hương, nên gọi là mũi. Có thể trừ bỏ đối gây, luôn phát ra nói năng, bàn luận, kêu gọi, biểu dương, nên gọi là lưỡi. Chỗ tùy thuận của các căn, tích tụ, hiện bày khắp nên gọi là

thân. Kẻ ngu nơi đêm dài sanh tử lo trang sức chứa giữ, cho là mình có, chấp làm Ngã sở, Ngã và Ngã sở.

Lại, các thế gian dựa vào đấy để giả lập vô số tên gọi, ý tưởng. Đó là hữu tình, con người, thọ mạng, sự sanh, ý sanh, thiếu niên v.v... nên gọi là ý. Luôn có thể hiện rõ nơi các phương sở của mình, chất lượng có thể tăng trưởng, nên gọi là sắc. Thường nêu bày, từ tạ, theo chỗ tăng thêm mà luận bàn khác nhau, nên gọi là âm thanh. Là chất, ẩn hình, luôn theo gió di chuyển, nên gọi là hương. Có thể dùng lưỡi nếm, thường gây nên bệnh tật, nên gọi là vị. Luôn có thể làm chỗ chứng nhập của thân, nên gọi là xúc. Có khả năng nhận giữ khắp, chỉ là tánh của cảnh nơi ý, nên gọi là pháp. Các loại pháp sai biệt như thế, nên biết. Ở đây trở lại nói kệ:

*Tự tánh, đối tượng nương
Chỗ duyên, trợ bạn, nghiệp
Do năm thứ môn ấy
Các tâm chuyển sai biệt.*

Nơi phần này làm rõ do năm pháp, nên sáu thức thân chuyển biến sai biệt. Đó là tự tánh, đối tượng nương dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và tạo nghiệp.

Lại nữa, nên biết về Uẩn khéo thủ giữ, giới khéo thủ giữ, xứ khéo thủ giữ, duyên khởi khéo thủ giữ, xứ phi xứ khéo thủ giữ, căn khéo thủ giữ.

Lại nữa, nên biết, ngôn ngữ của chư Phật thuộc về chín sự. Đó là:

1. Sự việc của hữu tình.
 2. Sự việc thọ dụng.
 3. Sự việc sanh khởi.
 4. Sự việc an trụ.
 5. Sự việc nhiễm tịnh.
 6. Sự việc sai biệt.
 7. Sự việc người nêu giảng.
 8. Sự việc được nêu giảng.
 9. Sự việc của chúng hội.
- Sự việc của hữu tình: Nghĩa là năm thủ Uẩn.
 - Sự việc thọ dụng: Tức là 12 xứ.
 - Sự việc sanh khởi: Là 12 phần duyên khởi và duyên sanh.
 - Sự việc an trụ: Tức là bốn thứ thức ăn.
 - Sự việc nhiễm tịnh: Là bốn Thánh đế.

- Sự việc sai biệt: Là vô lượng Giới.
 - Sự việc người nêu giảng: Là Đức Phật và các vị đệ tử.
 - Sự việc được nêu giảng: Là các pháp Bồ đề phần như bốn niệm trụ v.v...
 - Sự việc của chúng hội: Đó là tám chúng: 1. Chúng Sát-đế-lợi. 2. Chúng Bà-la-môn. 3. Chúng Trưởng giả. 4. Chúng Sa-môn. 5. Chúng bốn đại Thiên vương. 6. Chúng Trời Ba mươi ba. 7. Chúng Trời Dạ Ma.
8. Chúng Phạm Thiên. Lại, kệ nói:

*Phẩm Sắc tự tương ứng Tướng thế gian cùng
duyên Môn sai biệt như thiện... Sự thiện xảo
sau cùng.*

